

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 10 năm 2021
*"V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Minh Cúc**

- Các hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Thuận**

Bà **Nguyễn Thị Hồng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phan Thị Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 146/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Tôn Nữ Phúc U**, sinh năm 1987; Địa chỉ: K55/6 N, tổ 14 phường M, quận N, thành phố Đ. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông **Lê Tấn Thanh T**, sinh năm 1979; Địa chỉ: K99/66 T, tổ 35 phường C, quận T, thành phố Đ. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 3 năm 2021 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Tôn Nữ Phúc U trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Tấn Thanh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận T, thành phố Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chồng tại địa chỉ K99/6 T, tổ 35 phường C, quận T, thành phố Đ. Tuy nhiên, sau một thời gian ngắn giữa hai vợ chồng bắt đầu có sự bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tôi và gia đình chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn mà không thể hoà giải. Vợ chồng không

còn chung sống với nhau từ năm 2015, cùng thời gian này tôi và con gái đã chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ ruột của tôi. Mặc dù tôi đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng Trúc không có bất cứ biện pháp nào để thay đổi tình trạng quan hệ của vợ chồng. Đến năm 2018, chúng tôi chính thức ly thân để cả hai cùng xem xét nghiêm túc lại về mối quan hệ của mình nhưng tình hình vẫn không cải thiện.

Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu có kéo dài cũng không có hạnh phúc và ảnh hưởng rất lớn đến việc giáo dục con cái nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Tấn Thanh T.

- Về quan hệ con chung:

Tôi xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là Lê Kim N, sinh ngày 19/10/2014. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, trong đơn khởi kiện tôi có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, nhưng tại phiên tòa hôm nay tôi xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định không có.

Bị đơn là ông Lê Tấn Thanh T không có bản khai, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vẫn vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của bà U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của bà Tôn Nữ Phúc U về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn là ông Lê Tấn Thanh T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng

xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Tôn Nữ Phúc U và ông Lê Tấn Thanh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận T, thành phố Đ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân là do cả hai có sự bất đồng về quan điểm sống, đồng thời giữa bà U và gia đình chồng cũng nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng không sống chung đã 6 năm, không còn quan tâm đến nhau. Ông T hoàn toàn không có bất cứ biện pháp nào để cải thiện tình trạng vợ chồng. Tại phiên tòa bà U xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn ông Lê Tấn Thanh T do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không chung sống với nhau, không còn quan tâm đến nhau và không thể hàn gắn.

Xét thấy việc mâu thuẫn tồn tại trong đời sống vợ chồng của các đương sự là có thật, phù hợp với xác minh tại địa phương cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Trên thực tế, hai vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, bà U kiên quyết xin ly hôn. Ông T dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng cố tình vắng mặt. Thái độ này của ông T thể hiện việc coi thường pháp luật, không coi trọng cuộc hôn nhân của mình.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Bà Tôn Nữ Phúc U và ông Lê Tấn Thanh T có 01 (một) con chung là Lê Kim N, sinh ngày 19/10/2014.

Xét thấy từ khi sinh con đến nay, bà U đã một mình nuôi dưỡng con chung, cùng con gái chuyển về ở nhà cha mẹ ruột từ năm 2015. Ông T không thường xuyên thực hiện nghĩa vụ làm cha, không cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, nhằm đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, tạo điều kiện cho sự phát triển bình thường của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà U. Giao con chung là Lê Kim N, sinh ngày 19/10/2014 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và đúng pháp luật theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà U không yêu cầu ông T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn bà Tôn Nữ Phúc U trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nguyên đơn bà Tôn Nữ Phúc U theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Phúc U đối với ông Lê Tấn Thanh T về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*":

Cho bà Tôn Nữ Phúc U được ly hôn với ông Lê Tấn Thanh T.

- *Về con chung*: Giao con chung là Lê Kim N, sinh ngày 19/10/2014 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Tấn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung đủ.

Các bên đều được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn bà Tôn Nữ Phúc U trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

2. Bà Tôn Nữ Phúc U phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0009160 ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà U đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/10/2021). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh Cúc